

Bản án số: 40/2025/HNGĐ-ST
Ngày 19-9-2025
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Song Lưu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Khảm và bà Nguyễn Thị Hằng

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10
- Phú Thọ.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ tham gia phiên
tòa:** Ông Tạ Việt Hùng, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại cơ sở 2 Tòa án nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 67/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2025, về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1983; địa chỉ: thôn C, xã Y, tỉnh Phú Thọ, có mặt.
2. Bị đơn: Anh Tạ Quang B, sinh năm 1981; địa chỉ: thôn C, xã Y, tỉnh Phú Thọ, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 3 năm 2025 và những lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Tạ Quang B trên cơ sở được đăng ký kết hôn ngày 07/01/2009 tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã L, tỉnh L. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2013 phát sinh mâu thuẫn do anh B không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên đánh bạc dẫn đến nợ nhiều. Chị khuyên anh không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Chị xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Chị T xác định có hai con là Tạ Quang B1, sinh ngày 22/8/2009 và Tạ Thị Thảo V, sinh ngày 02/12/2012. Hai cháu đang sống cùng chị T. Ly hôn, chị T đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn là anh Tạ Quang B đã được Tòa án làm các thủ tục triệu tập hợp lệ nhiều lần, anh B nhận được văn bản của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về trình tự, thủ tục tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị T được ly hôn anh B; giao cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Tạ Quang B1, sinh ngày 22/8/2009 và cháu Tạ Thị Thảo V, sinh ngày 02/12/2012. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con, không ai được cản trở; chị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Phạm Thị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tạ Quang B. Anh B cư trú tại xã B1 Định, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, nay là xã Y, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng anh Tạ Quang B không đến và không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nhưng anh B tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Tạ Quang B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã L, tỉnh L. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến năm 2013, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T và theo cung cấp của gia đình anh B cùng đại diện địa phương thì do anh B đánh bạc dẫn đến nợ nhiều, thường xuyên bị các đối tượng xã hội đến đòi nợ. Xét thấy, anh chị sống ly thân nhau thời gian dài (từ cuối năm 2013 đến nay), không quan tâm hay có trách nhiệm gì với nhau, không dàn xếp được tình cảm. Do vậy, xác định quan hệ hôn nhân của chị T và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn anh B là phù hợp.

[3]. Về quan hệ giao nuôi con chung: Chị T và anh B có 02 con là cháu Tạ Quang B1, sinh ngày 22/8/2009 và cháu Tạ Thị Thảo V, sinh ngày 02/12/2012. Kể từ khi ly thân đến nay, 02 cháu vẫn sống cùng chị T, các cháu vẫn phát triển B1 thường. Ly hôn, chị T đề nghị nuôi cả 02 con, các cháu cũng mong muốn được tiếp tục sống cùng chị T nên cần giao cháu B1, cháu V cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh B không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với pháp luật, thực tiễn và nguyện vọng của các cháu.

[4]. Về quan hệ tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, quá trình giải quyết vụ án anh B vắng mặt nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này mà sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu của đương sự.

[5]. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Về ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, cần xem xét khi quyết định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, xử.

1. Cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Tạ Quang B.

2. Giao cho chị Phạm Thị T được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu cháu Tạ Quang B1, sinh ngày 22/8/2009 và cháu Tạ Thị Thảo V, sinh ngày 02/12/2012. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con không ai được cản trở.

3. Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003662 ngày 05 tháng 3 năm 2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, nay là phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 - Phú Thọ. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 10 – Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 10 – Phú Thọ;
- UBND xã Y;
- Các đương sự;
- Lưu VP-HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Song Lưu